
















TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
BAN PHÁP CHẾ & QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN TIN PHÁP CHẾ
THÁNG 10 – 11/2018
CHÀO MỪNG NGÀY PHÁP LUẬT VIỆT NAM



Biên soạn : Lê Thị Yên
Kiểm duyệt : Nguyễn Ngọc Hà
Võ Thị Tú Oanh
Email : lethiyen@pvpower.vn
Điện thoại : 024 2221 0288 (máy lẻ: 6626)

Mục lục	Trang
I. Quy định mới	3
 Quy định mới ban hành trong tháng 10 - 11 năm 2018	
II. Một số nội dung về Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2018	4
III. Điểm tin văn bản pháp luật	5
 Quy định 08-QĐ/TW quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương;	
 Hướng dẫn số 16 - HD/BTCTW về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp;	
 Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;	
 Nghị định 131/2018/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;	
 Nghị định 146/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế;	
 Nghị định 148/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động.	
 Nghị định 149/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Khoản 3 Điều 63 của Bộ Luật lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc;	
 Nghị định 153/2018/NĐ-CP quy định chính sách điều chỉnh lương hưu đối với lao động nữ bắt đầu hưởng lương hưu trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2021 có thời gian đóng BHXH từ đủ 20 năm đến 29 năm 6 tháng;	
 Thông tư 17/2018/TT-BLĐTBXH hướng dẫn về tự kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động của doanh nghiệp;	
 Thông tư 28/2018/TT-BCT quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh;	
 Thông tư 36/2018/TT-BCT quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.	
 Thông tư 03/2018/TT-BKHĐT hướng dẫn và ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài;	
IV. Danh mục văn bản quản lý nội bộ của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	16

QUY ĐỊNH MỚI

1. Công tác Đảng		2. Công nghệ thông tin
<p>- Quy định 08-QĐ/TW quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương;</p> <p>- Hướng dẫn số 16 - HD/BTCTW về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.</p>		<p>Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.</p>
3. Doanh nghiệp		4. Bảo hiểm
<p>Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.</p>		<p>Nghị định 146/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế.</p>
5. Lao động – Tiền lương		6. Thương mại – Đầu tư
<p>- Nghị định 148/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động.</p> <p>- Nghị định 149/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Khoản 3 Điều 63 của Bộ Luật lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.</p> <p>- Nghị định 153/2018/NĐ-CP quy định chính sách điều chỉnh lương hưu đối với lao động nữ bắt đầu hưởng lương hưu trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2021 có thời gian đóng BHXH từ đủ 20 năm đến 29 năm 6 tháng;</p>		<p>- Thông tư 28/2018/TT-BCT quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh.</p> <p>- Thông tư 03/2018/TT-BKHĐT hướng dẫn và ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài;</p>
7. Thủ tục hành chính		8. Thủ tục hành chính
<p>Thông tư 36/2018/TT-BCT quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực</p>		<p>Thông tư 36/2018/TT-BCT quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.</p>

MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ NGÀY PHÁP LUẬT VIỆT NAM NĂM 2018

Ngày 20/6/2012, Quốc hội đã ban hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13.

Theo đó tại Điều 8 quy định: “Ngày 09/11 hằng năm là Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngày Pháp luật được tổ chức nhằm tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật cho mọi người trong xã hội”.

Cụ thể hóa Điều này, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 4/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó quy định cụ thể nội dung, hình thức và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong tổ chức triển khai thực hiện Ngày Pháp luật. Cụ thể, Ngày Pháp luật được tổ chức với các nội dung sau đây:

- Khẳng định vị trí, vai trò của Hiến pháp, pháp luật trong quản lý nhà nước và đời sống xã hội;

- Giáo dục cán bộ, công chức, viên chức và người dân ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật;

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định của Hiến pháp, pháp luật thiết thực với đời sống của nhân dân, gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị;

- Vận động nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật;

- Biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong xây dựng pháp luật, thực thi pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật;

Ngày Pháp luật Việt Nam (9/11) là một sự kiện chính trị, pháp lý được tổ chức hàng năm và mang một ý nghĩa hết sức quan trọng như sau:

- Tôn vinh Hiến pháp, pháp luật;
- Tăng cường nhận thức cho mọi người về vai trò của luật pháp trong đời sống;
- Tăng cường sự hiểu biết pháp luật và khả

năng thực thi pháp luật trong hoạt động quản lý Nhà nước, hoạt động kinh tế - xã hội và sinh hoạt hàng ngày của người dân.

Ngày Pháp luật khơi dậy trong mọi cá nhân công dân ý thức về trách nhiệm, bổn phận và quyền lợi của mình mà tham gia một cách tích cực vào các sinh hoạt của đời sống chính trị và đời sống xã hội. Do vậy, Ngày Pháp luật có ý nghĩa giáo dục sâu sắc trong việc đề cao giá trị của pháp luật trong Nhà nước pháp quyền, hướng mọi tổ chức, cá nhân tích cực tham gia với hành vi, thái độ xử sự pháp luật đúng đắn, đề cao quyền cũng như trách nhiệm, nghĩa vụ của cá nhân công dân trong học tập, tìm hiểu pháp luật và tự giác chấp hành pháp luật. Qua đó, góp phần nâng cao ý thức và niềm tin pháp luật, từng bước xây dựng và củng cố các giá trị văn hóa pháp lý trong cuộc sống xã hội.

Hưởng ứng Ngày pháp luật Việt Nam năm 2018

Năm 2013 là năm đầu tiên tổ chức thực hiện Ngày Pháp luật trong phạm vi toàn quốc và cũng là năm ghi nhận một sự kiện rất quan trọng trong đời sống chính trị - pháp lý của đất nước, đó là việc toàn dân tích cực tham gia quá trình sửa đổi Hiến pháp năm 1992 đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Do vậy, đã thu hút được sự quan tâm, hưởng ứng của các bộ, ban, ngành, doanh nghiệp và toàn dân, ngày này đã thực sự trở thành “ngày hội thượng tôn pháp luật”, là đợt sinh hoạt chính trị - pháp lý sâu rộng. Trong dịp này, các cơ quan, ban ngành đồng loạt triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến mọi tổ chức, đơn vị, cá nhân nhằm nâng cao ý thức bảo vệ pháp luật, tôn trọng và chấp hành Hiến pháp, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.



Sau 05 năm tổ chức thực hiện, Ngày pháp luật

Việt Nam đã thu hút được sự quan tâm, hưởng ứng của các bộ, ngành, đoàn thể trong cả nước, trong đó có cán bộ, nhân viên, người lao động PV Power, bước đầu tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức pháp luật, nâng cao việc tuân thủ và bảo vệ pháp luật của CBCNV, người lao động PV Power.

Chủ đề Ngày Pháp luật năm nay là: nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, thực thi, bảo vệ pháp luật, ý thức tuân thủ pháp luật, góp phần xây dựng nhà nước liêm chính, hành động, kỷ cương, sáng tạo, hiệu quả; xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.



Hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam năm nay, thực hiện Quyết định số 2761/QĐ-BCT ngày 07/8/2018 và chỉ đạo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc hưởng ứng Ngày pháp luật Việt Nam năm 2018, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP đã ban hành kế hoạch hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2018 tại Tổng công ty và các đơn vị với các hoạt động thiết thực, hữu ích phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả như: tuyên truyền, phổ biến mục đích, ý nghĩa của Ngày pháp luật Việt Nam, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và đơn vị, tổ chức tọa đàm, hội thảo chuyên đề, treo băng rôn, khẩu hiệu về Ngày pháp luật với các khẩu hiệu sau:

- Sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
- Tích cực hưởng ứng Ngày Pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả xây dựng, thi hành và bảo vệ pháp luật;
- Tích cực tìm hiểu pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật là quyền lợi, trách nhiệm của mỗi người lao động PV Power;
- Chấp hành Hiến pháp, pháp luật là nét đẹp văn hóa, là việc làm thiết thực của mỗi người lao động,

góp phần xây dựng PV Power bền vững.

- Cán bộ, nhân viên, người lao động PV Power nêu cao tinh thần chủ động học tập, tìm hiểu, tuân thủ hiến pháp và pháp luật;

- Hiểu biết và chấp hành pháp luật là bảo vệ chính mình, người thân và cộng đồng.

Đây sẽ là những hoạt động hết sức thiết thực giúp CBCNV, người lao động trong Tổng công ty hiểu biết sâu sắc hơn về Ngày pháp luật Việt Nam, đảm bảo các hoạt động của Tổng công ty luôn tuân thủ pháp luật, đồng thời nâng cao ý thức chấp hành và tuân thủ pháp luật của mỗi CBCNV, người lao động Tổng công ty.

ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên

Ngày 25/10/2018, Ban chấp hành Trung ương đã ban hành Quy định số 08-QĐ/TW quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là ủy viên Bộ chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

Theo đó, cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương phải nghiêm khắc với bản thân và kiên quyết chống các hành vi đơn cử như:

- Chạy hoặc tiếp tay cho chạy chức, chạy quyền, chạy phiếu bầu, chạy phiếu tín nhiệm. Can thiệp không đúng thẩm quyền, trách nhiệm, trái quy định vào công tác cán bộ; đề bạt, bổ nhiệm, bố trí cán bộ không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, nhất là đối với người nhà, người thân;

- Tham nhũng, hối lộ dưới mọi hình thức; tặng quà, nhận quà vì vụ lợi;

- Lãng phí công quỹ, tài sản, phương tiện, nhân lực và thời gian làm việc. Tổ chức đoàn đi công tác ở trong và ngoài nước không đúng thành phần, thời gian và nội dung yêu cầu công việc. Sống, sinh hoạt, tiêu dùng, giải trí xa hoa, lãng phí.

- Lợi dụng doanh nghiệp hoặc đề doanh nghiệp lợi dụng nhằm vụ lợi. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, uy tín để sử dụng, vay, mượn tiền, tài sản, phương tiện

của tổ chức, cá nhân trái quy định;

- Để vợ (chồng), bố, mẹ, con, anh chị em ruột lợi dụng chức vụ, quyền hạn, uy tín của mình để vụ lợi. Để vợ (chồng), con đẻ, con nuôi sống xa hoa, phô trương, lãng phí hoặc sa vào tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật.



Xem chi tiết các nội dung của Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25/10/2018 tại đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quy-dinh-08-QDi-TW-2018-trach-nhiem-neu-guong-cua-can-bo-dang-vien-Uy-vien-Bo-Chinh-tri-397977.aspx>

Hướng dẫn kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên

Ngày 24/9/2018, Ban tổ chức Trung ương đã ban hành hướng dẫn số 16-HD/BTCTW hướng dẫn về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Theo đó, khung tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đảng viên được quy định như sau:

1. Đảng viên được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khi đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Là đảng viên thực sự tiêu biểu về năng lực, phẩm chất đạo đức, lối sống, luôn đi đầu về đổi mới sáng tạo, có sản phẩm cụ thể lượng hóa được, có nhiều thành tích nổi bật trong công tác được các đảng viên khác học tập, noi theo.

- Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao đều đánh giá đạt cấp độ "Xuất sắc"; những tiêu chí còn lại được đánh giá đạt cấp độ "Tốt" trở lên.

Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định số lượng đảng viên được xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" không vượt quá 20% số đảng viên được xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trong từng tổ chức cơ sở đảng.

2. Đảng viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ khi các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao đều đánh giá đạt cấp độ "Tốt" trở lên; những tiêu chí còn lại được đánh giá đạt cấp độ "Trung bình" trở lên.

3. Đảng viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ khi các tiêu chí cơ bản được đánh giá đạt cấp độ "trung bình" trở lên.

4. Đảng viên bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ khi Là đảng viên không đạt mức "Hoàn thành nhiệm vụ" hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:

- Cấp có thẩm quyền kết luận đánh giá có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

- Chỉ hoàn thành dưới 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm.

- Đảng viên bị thi hành kỷ luật trong năm (một vi phạm bị xử lý kỷ luật chỉ tính một lần khi xếp loại).

Xem chi tiết các nội dung tại Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW ngày 24/9/2018 tại đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Huong-dan-16-HD-BTCTW-2018-kiem-diem-danh-gia-chat-luong-to-chuc-dang-dang-vien-can-bo-396122.aspx>

Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW thay thế Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW, ngày 25/9/2014 của Ban Tổ chức Trung ương về kiểm điểm tập thể, cá nhân và đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên hàng năm.

Quy định về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số

Ngày 27/9/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 130/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về chữ ký số và chứng thư số; việc quản lý, cung cấp và sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Theo đó, chữ ký số là một dạng chữ ký điện tử

được tạo ra bằng sự biến đổi một thông điệp dữ liệu sử dụng hệ thống mật mã không đối xứng, theo đó, người có được thông điệp dữ liệu ban đầu và khóa công khai của người ký có thể xác định được chính xác.

Chữ ký số chỉ được sử dụng để thực hiện các giao dịch theo đúng thẩm quyền của cơ quan, tổ chức và chức danh được cấp chứng thư số. Việc ký thay, ký thừa lệnh theo quy định của pháp luật thực hiện bởi người có thẩm quyền sử dụng chữ ký số của mình, được hiểu căn cứ vào chức danh của người ký ghi trên chứng thư số.



Giá trị pháp lý của Chữ ký số:

1. Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bằng chữ ký số và chữ ký số đó được đảm bảo an toàn.

2. Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần được đóng dấu của cơ quan tổ chức thì yêu cầu đó đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bởi chữ ký số cơ quan, tổ chức và chữ ký số đó được đảm bảo an toàn.

3. Chữ ký số và chứng thư số nước ngoài được cấp giấy phép sử dụng tại Việt Nam có giá trị pháp lý và hiệu lực như chữ ký số và chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng của Việt Nam cấp.

Xem chi tiết các nội dung về chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số tại Nghị định 130/2018/NĐ-CP theo đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Nghi-dinh-130-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-Giao-dich-dien-tu-ve-chu-ky-so-358259.aspx>

Hiệu lực thi hành: 15/11/2018 và thay thế các văn bản sau:

- Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

- Nghị định 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP;

- Nghị định 170/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP và Nghị định số 106/2011/NĐ-CP .

Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Ngày 29/9/2018, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 131/2018/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Theo đó, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp là cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là Ủy ban); được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật.

Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp có các nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình;

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật như sau:

+ Đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập giao Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu;

+ Tham mưu, giúp Thủ tướng Chính phủ thực hiện các quyền, trách nhiệm đối với doanh nghiệp do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu;

+ Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn đối với

doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ giao Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu;

+ Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu như cử, bãi nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương, phụ cấp, trách nhiệm, tiền thưởng và quyền lợi khác của người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định của pháp luật; Quyết định theo thẩm quyền việc đầu tư tăng vốn, đầu tư bổ sung vốn nhà nước, chuyển nhượng cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thuộc Chính phủ theo quy định của pháp luật...

Theo Nghị định 131/2018/NĐ-CP thì Lãnh đạo của Ủy ban có Chủ tịch và không quá 4 Phó Chủ tịch do Thủ tướng chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức; Chủ tịch ủy ban hưởng chế độ tương đương Bộ trưởng.



Cũng theo Nghị định 131/2018/NĐ-CP, hiện nay có 19 doanh nghiệp do Ủy ban trực tiếp làm đại diện chủ sở hữu, trong đó có Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN).

Xem chi tiết các nội dung tại Nghị định 131/2018/NĐ-CP theo đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Nghi-dinh-131-2018-ND-CP-co-cau-to-chuc-cua-Uy-ban-Quan-ly-von-nha-nuoc-tai-doanh-nghiep-376933.aspx>

Hiệu lực: 29/9/2018

Hướng dẫn thi hành Luật bảo hiểm y tế

Ngày 17/10/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế.

Theo đó, mức hưởng BHYT được quy định như sau:

- 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại tuyến xã;
- 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp chi phí cho một lần khám bệnh, chữa bệnh thấp hơn 15% mức lương cơ sở;
- 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh khi người bệnh có thời gian tham gia bảo hiểm y tế 05 năm liên tục trở lên và có số tiền cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong năm lớn hơn 06 tháng lương cơ sở, trừ trường hợp tự đi khám bệnh, chữa bệnh không đúng tuyến;
- 80% chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với các đối tượng khác;
- Trường hợp người có thẻ bảo hiểm y tế tự đi khám bệnh, chữa bệnh không đúng tuyến, sau đó được cơ sở nơi tiếp nhận chuyển tuyến đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác thì được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mức hưởng sau (Tại bệnh viện tuyến trung ương là 40% chi phí điều trị nội trú; Tại bệnh viện tuyến tỉnh là 60% chi phí điều trị nội trú; Tại bệnh viện tuyến huyện là 100% % chi phí khám bệnh, chữa bệnh), trừ các trường hợp sau: cấp cứu; đang điều trị nội trú được phát hiện bệnh khác ngoài phạm vi chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; tình trạng bệnh diễn biến vượt quá khả năng chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Ngoài ra, Nghị định 146/2018/NĐ-CP cũng quy định về thủ tục khám bệnh, chữa bệnh BHYT như sau:

- Người tham gia BHYT khi đến khám bệnh, chữa bệnh phải xuất trình thẻ BHYT có ảnh (trường hợp thẻ không có ảnh thì phải xuất trình giấy tờ tùy thân có ảnh);
- Người tham gia BHYT trong thời gian chờ cấp lại thẻ, đổi thẻ thì khi đến khám phải xuất trình giấy hẹn của cơ quan BHXH;
- Trường hợp chuyển tuyến khám, chữa bệnh, người tham gia BHYT phải xuất trình hồ sơ chuyển tuyến;
- Trường hợp cấp cứu, người tham gia bảo

hiểm y tế được đến khám bệnh, chữa bệnh tại bất kỳ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nào.

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không có hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế có trách nhiệm cung cấp cho người bệnh khi ra viện các giấy tờ, chứng từ hợp lệ liên quan đến chi phí khám bệnh, chữa bệnh để người bệnh thanh toán trực tiếp với cơ quan bảo hiểm xã hội

Xem chi tiết các nội dung tại Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 theo đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx>

Hiệu lực thi hành: 01/12/2018 và thay thế các văn bản sau:

- Nghị định 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế;

- Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế;

- Thông tư liên tịch số 41/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 02/7/2015 sửa đổi khoản 5 Điều 13 Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC;

- Khoản 6 Điều 11, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 12 Thông tư 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 quy định đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu và chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Toàn văn điểm mới Nghị định 148/2018/NĐ-CP



Ngày 24/10/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 148/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao

động.

Theo đó, có một số nội dung quan trọng cần chú ý như sau:

1. Sửa đổi quy định về người giao kết hợp đồng:

- Sửa đổi quy định “chủ hộ gia đình” tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định 05/2015/NĐ-CP thành “Người được các thành viên của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân ủy quyền làm người đại diện theo quy định của pháp luật”. Như vậy, chủ thể giao kết hợp đồng được mở rộng hơn.

Điểm e khoản 1 Điều 1 quy định chỉ trường hợp người đại diện theo pháp luật quy định tại điều lệ của doanh nghiệp, hợp tác xã (điểm a) và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức theo quy định của pháp luật (điểm b) mới ủy quyền để giao kết hợp đồng (quy định 05/2015/NĐ-CP có cả chủ hộ gia đình).

2. Thời gian thử việc không được tính trợ cấp thôi việc.

So với quy định trước đây, thời gian thử việc đã không còn được tính là thời gian làm việc để nhận trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm. Thời gian này chỉ còn bao gồm: Thời gian người lao động đã làm việc thực tế; Thời gian được người sử dụng lao động cử đi học; Thời gian nghỉ hưởng chế độ ốm đau, thai sản...

3. Bổ sung Điều 14a về thời hạn Thanh toán khi chấm dứt HĐLĐ:

Khi chấm dứt HĐLĐ các bên phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong thời hạn 7 ngày làm việc. Trường hợp đặc biệt có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

4. Tiền lương làm căn cứ để trả cho người lao động trong những ngày nghỉ hàng năm, ngày nghỉ lễ, tết và ngày nghỉ việc riêng có hưởng lương được tính như sau:

Tiền lương trong HĐLĐ: số ngày làm việc bình thường trong tháng x số ngày người lao động nghỉ.

Trước đây (tại Nghị định 05/2015/NĐ-CP), tiền lương ghi trong HĐLĐ được quy định cụ thể là tiền lương của tháng trước liền kề.

5. Bổ sung quy định về tiền lương làm căn cứ bồi thường khi chấm dứt HĐLĐ trái luật: là tiền lương theo HĐLĐ lao động tại thời điểm người sử dụng lao động hoặc người lao động đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái luật.

6. Thay đổi trình tự xử lý kỷ luật lao động:

Theo Nghị định 148/2018/NĐ-CP, việc xử lý kỷ luật lao động sẽ được thực hiện theo một trình tự mới như sau:

- Khi phát hiện người lao động có hành vi vi phạm kỷ luật lao động tại thời điểm xảy ra hành vi vi phạm, người sử dụng lao động tiến hành lập biên bản vi phạm, thông báo đến tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở; cha, mẹ hoặc người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người lao động là người dưới 18 tuổi để tiến hành hợp xử lý kỷ luật lao động;

- Trường hợp người sử dụng lao động phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật lao động sau thời điểm hành vi phạm đã xảy ra, có đủ căn cứ chứng minh được lỗi của người lao động và trong thời hiệu xử lý kỷ luật thì người sử dụng lao động thông báo tổ chức cuộc họp xử lý kỷ luật lao động; các thành phần tham dự phải xác nhận dự họp trong tối đa 03 ngày làm việc, từ ngày nhận được thông báo, trường hợp không xác nhận, không đến dự họp hoặc nêu lý do không chính đáng thì cuộc họp vẫn tiến hành.

- Cuộc họp xử lý kỷ luật lao động phải được lập thành biên bản có chữ ký của các thành viên dự họp;

- Người ký hợp đồng lao động bên phía người sử dụng lao động là người ra quyết định xử lý kỷ luật.

7. Quy định rõ hơn về kỷ luật sa thải đối với người lao động tự ý bỏ việc như sau:

- 05 ngày làm việc cộng dồn trong khoảng thời gian tối đa 01 tháng (30 ngày), kể từ ngày đầu tiên tự ý bỏ việc;

- 20 ngày làm việc cộng dồn trong khoảng thời gian tối đa 01 năm (365 ngày), kể từ ngày đầu tiên tự ý bỏ việc.

Xem chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 theo đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-148-2018-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-05-2015-ND-CP-huong-dan-Bo-luat-Lao-dong-376235.aspx>

Hiệu lực thi hành: 15/12/2018 và bãi bỏ Điều 7 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTXH ngày 16/11/2015 hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP.

Quy định mới về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc

Ngày 07/11/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 49/2018/NĐ-CP quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc của doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.

Theo đó, Chính phủ yêu cầu Người SDLD phải công khai 7 nội dung sau:

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ, sản xuất, kinh doanh.

- Nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của doanh nghiệp liên quan đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp, thỏa ước lao động tập thể ngành, thỏa ước lao động tập thể khác mà doanh nghiệp tham gia.

- Nghị quyết Hội nghị người lao động.

- Việc trích lập, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ do người lao động đóng góp (nếu có).

- Việc trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

- Tình hình thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.



Nghị định 149/2018/NĐ-CP cũng quy định những nội dung NLDĐ được tham gia ý kiến gồm:

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của doanh nghiệp liên quan

đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, định mức lao động; đề xuất nội dung thương lượng tập thể.

- Đề xuất, thực hiện giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ.

- Các nội dung khác liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật.

Xem chi tiết các nội dung về thực hiện quy chế dân chủ tại nơi làm việc tại Nghị định 149/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 theo đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-149-2018-ND-CP-huong-dan-khoan-3-Dieu-63-Bo-luat-lao-dong-376624.aspx>

Hiệu lực thi hành: 01/01/2019 và Thay thế Nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 19/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 63 của Bộ luật lao động về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Chính sách lương hưu đối với lao động nữ hưởng lương hưu giai đoạn 2018-2021

Ngày 07/11/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 153/2018/NĐ-CP quy định chính sách điều chỉnh lương hưu đối với lao động nữ bắt đầu hưởng lương hưu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 20 năm đến 29 năm 6 tháng, bị tác động bất lợi hơn so với lao động nam do thay đổi cách tính lương hưu theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 so với Luật bảo hiểm xã hội năm 2006.

Theo đó, mức điều chỉnh sẽ được tính bằng mức lương hưu theo quy định của Luật BHXH năm 2014 tại thời điểm bắt đầu hưởng lương hưu x tỷ lệ điều chỉnh tương ứng với thời gian đã đóng BHXH và thời điểm hưởng lương hưu. Cụ thể:

- Nếu nghỉ hưu năm 2018, tỷ lệ điều chỉnh cao nhất là 12,31%; mức thấp nhất là 1,08%, tùy thuộc vào thời gian đã đóng BHXH.

- Nếu nghỉ hưu vào năm 2019, tỷ lệ điều chỉnh cao nhất là 9,23%; thấp nhất là 0,81%, tùy thuộc vào thời gian đã đóng BHXH.

- Nếu nghỉ năm 2020, tỷ lệ điều chỉnh cao nhất là 6,15%; thấp nhất là 0,64%, tùy thuộc vào thời gian đã đóng BHXH.

- Nếu nghỉ năm 2021, tỷ lệ điều chỉnh cao nhất là 3,08%; thấp nhất là 0,27%, tùy thuộc vào thời gian đã đóng BHXH.

Chi tiết tỷ lệ điều chỉnh được quy định trong bảng sau:

Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội	Tỷ lệ điều chỉnh tương ứng với thời gian đóng bảo hiểm xã hội và thời điểm bắt đầu hưởng lương hưu:			
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
20 năm	7,27%	5,45%	3,64%	1,82%
20 năm 01 tháng - 20 năm 06 tháng	7,86%	5,89%	3,93%	1,96%
20 năm 07 tháng - 21 năm	8,42%	6,32%	4,21%	2,11%
21 năm 01 tháng - 21 năm 06 tháng	8,97%	6,72%	4,48%	2,24%
21 năm 07 tháng - 22 năm	9,49%	7,12%	4,75%	2,37%
22 năm 01 tháng - 22 năm 06 tháng	10,00%	7,50%	5,00%	2,50%
22 năm 7 tháng - 23 năm	10,49%	7,87%	5,25%	2,62%
23 năm 01 tháng - 23 năm 06 tháng	10,97%	8,23%	5,48%	2,74%
23 năm 07 tháng - 24 năm	11,43%	8,57%	5,71%	2,86%

24 năm 01 tháng - 24 năm 06 tháng	11,88%	8,91%	5,94%	2,97%
24 năm 07 tháng - 25 năm	12,31%	9,23%	6,15%	3,08%
25 năm 01 tháng - 25 năm 06 tháng	10,91%	8,18%	5,45%	2,73%
25 năm 07 tháng - 26 năm	9,55%	7,16%	4,78%	2,39%
26 năm 01 tháng - 26 năm 06 tháng	8,24%	6,18%	4,12%	2,06%
26 năm 07 tháng - 27 năm	6,96%	5,22%	3,48%	1,74%
27 năm 01 tháng - 27 năm 06 tháng	5,71%	4,29%	2,86%	1,43%
27 năm 07 tháng - 28 năm	4,51%	3,38%	2,25%	1,13%
28 năm 01 tháng - 28 năm 06 tháng	3,33%	2,50%	1,67%	0,83%
28 năm 07 tháng - 29 năm	2,19%	1,64%	1,10%	0,55%
29 năm 01 tháng - 29 năm 06 tháng	1,08%	0,81%	0,54%	0,27%

Xem chi tiết Nghị định 153/2018/NĐ-CP theo đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-153-2018-ND-CP-dieu-chinh-luong-huu-doi-voi-lao-dong-nu-tu-2018-den-2021-389795.aspx>

Hiệu lực thi hành: 24/12/2018

Quy định về tự kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động của doanh nghiệp

Ngày 17/10/2018, Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 17/2018/TT-BLĐTBXH hướng dẫn việc tự kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động, báo cáo kết quả tự kiểm tra

việc thực hiện pháp luật lao động trực tuyến; trách nhiệm của người sử dụng lao động, tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở và cơ quan Thanh tra nhà nước về lao động.

Theo đó, doanh nghiệp phải tổ chức tự kiểm tra việc chấp hành pháp luật lao động ít nhất mỗi năm 01 lần nhằm đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật lao động và có giải pháp cải tiến tuân thủ. Cụ thể như sau:

- Thời gian kiểm tra: Do doanh nghiệp quyết định;
- Thời kỳ kiểm tra: Từ ngày đầu tiên tháng một dương lịch của năm trước đến thời điểm kiểm tra;
- Nội dung tự kiểm tra: Việc thực hiện báo cáo định kỳ; tuyển dụng và đào tạo lao động; giao kết và thực hiện hợp đồng lao động...;
- Hồ sơ tự kiểm tra: Phiếu tự kiểm tra; kết luận tự kiểm tra; văn bản thành lập đoàn tự kiểm tra và các tài liệu, hồ sơ phát sinh.
- Báo cáo kết quả kiểm tra: Doanh nghiệp phối hợp với đại diện tập thể lao động thực hiện báo cáo trực tuyến khi có yêu cầu của cơ quan Thanh tra lao động.

Xem chi tiết các nội dung khác tại Thông tư 17/2018/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2018 theo đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Thong-tu-17-2018-TT-BLDTBXH-tu-kiem-tra-viec-thuc-hien-phap-luat-lao-dong-cua-doanh-nghiep-397226.aspx>

Hiệu lực thi hành: 01/01/2019 và thay thế Quyết định số 02/2006/QĐ-BLĐTBXH ngày 16/02/2006 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy chế sử dụng phiếu tự kiểm tra thực hiện pháp luật lao động

Quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh

Ngày 27/9/2018, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 28/2018/TT-BCT quy định về vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và trách nhiệm của các đơn vị tham gia thị trường điện.

Theo đó, các nhà máy điện có trách nhiệm tham gia thị trường điện gồm:

- Nhà máy điện có giấy phép hoạt động điện lực

trong lĩnh vực phát điện, có công suất đặt lớn hơn 30 MW đấu nối vào hệ thống điện quốc gia;

- Nhà máy điện có công suất đặt đến 30 MW, đầu nối lưới điện cấp điện áp từ 110 kV trở lên.

Các nhà máy điện không tham gia thị trường điện bao gồm:

- Nhà máy điện BOT;

- Nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo không phải thủy điện;

- Nhà máy điện tuabin khí có các ràng buộc phải sử dụng tối đa nguồn nhiên liệu khí để đảm bảo lợi ích quốc gia;

- Nhà máy điện thuộc khu công nghiệp chỉ bán một phần sản lượng lên hệ thống điện quốc gia.



Ngoài ra, Thông tư 28/2018/TT-BCT còn quy định nguyên tắc thanh toán trong thị trường điện như sau:

- Đơn vị phát điện trực tiếp giao dịch được thanh toán theo giá thị trường điện và thanh toán theo hợp đồng mua bán điện dạng sai khác.

- Khoản thanh toán theo giá thị trường chỉ áp dụng cho Đơn vị phát điện trực tiếp giao dịch và được tính toán căn cứ trên các yếu tố sau:

+ Giá điện năng thị trường;

+ Giá công suất thị trường;

+ Sản lượng điện năng và công suất huy động.

- Việc thanh toán cho các Đơn vị phát điện trực tiếp giao dịch được thực hiện theo quy định tại Chương VI Thông tư này.

- Đơn vị phát điện gián tiếp giao dịch và đơn vị

không tham gia thị trường điện được thanh toán theo quy định tại hợp đồng mua bán điện.

Thông tư 28 quy định về các trường hợp đình chỉ tham gia thị trường điện của nhà máy điện như sau:

- Không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không chính xác cho việc lập kế hoạch vận hành thị trường điện và lịch huy động các tổ máy trong hệ thống điện;

- Không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không chính xác cho việc giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm trên thị trường phát điện cạnh tranh theo yêu cầu của cơ quan giải quyết tranh chấp và theo quy định của pháp luật;

- Thỏa thuận trực tiếp hoặc gián tiếp với đơn vị khác trong việc hạn chế hoặc kiểm soát công suất chào bán trên thị trường nhằm tăng giá điện năng thị trường giao ngay và làm ảnh hưởng đến an ninh cung cấp điện;

- Thỏa thuận với Đơn vị phát điện khác trong việc chào giá để được lập lịch huy động;

- Thỏa thuận với Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện trong việc chào giá để được lập lịch huy động không đúng quy định.

Xem chi tiết các nội dung tại Thông tư 28/2018/TT-BCT ngày 27/9/2018 tại đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Thong-tu-28-2018-TT-BCT-quy-dinh-van-hanh-thi-truong-phat-dien-canh-tranh-395845.aspx>

Hiệu lực: 15/11/2018 và bãi bỏ các văn bản sau:

- Thông tư 30/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh;

- Điều 1 Thông tư số 51/2015/TT-BCT ngày 29/12/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2014/TT-BCT và Thông tư 56/2014/TT-BCT;

- Điều 3 Thông tư số 13/2017/TT-BCT ngày 03/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BCT và Thông tư số 30/2014/TT-BCT và Thông tư số 57/2014/TT-BCT;

- Điều 13 Thông tư 21/2015/TT-BCT ngày 23/6/2015 quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, trình tự kiểm tra hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, tính từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Quy định mới về giấy phép điện lực

Ngày 16/10/2018, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 36/2018/TT/BCT quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực, thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực trong các lĩnh vực tư vấn chuyên ngành điện lực, phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện.

Theo đó, quy định về thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực như sau:

- Bộ Công Thương cấp trong các lĩnh vực sau:

+ Hoạt động phát điện đối với nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

+ Hoạt động truyền tải điện.

- Cục Điều tiết điện lực cấp trong các lĩnh vực sau:

+ Hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất từ 03 MW trở lên không thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương;

+ Hoạt động phân phối điện;

+ Hoạt động bán buôn điện;

+ Hoạt động bán lẻ điện;

+ Tư vấn chuyên ngành điện lực.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp, thu hồi hoặc ủy quyền cho Sở Công Thương cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực đối với các lĩnh vực sau:

+ Hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương;

+ Hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương;

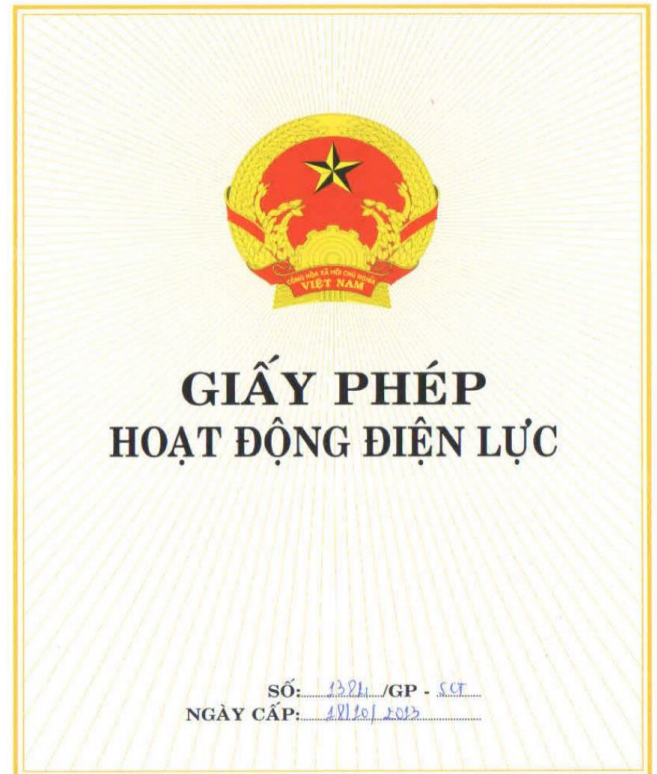
+ Hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương;

+ Tư vấn chuyên ngành điện lực bao gồm:

(i) Tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương;

(ii) Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép cho nhiều hoạt động trong lĩnh vực tư vấn chuyên ngành điện lực, trong đó có ít nhất một hoạt động thuộc thẩm quyền của Cục Điều tiết điện lực thì giấy phép hoạt động điện lực cho các hoạt động này do Cục Điều tiết điện lực cấp.



Theo Điều 15 Thông tư 36/2018/TT-BCT thì đơn vị điện lực được cấp giấy phép hoạt động điện lực có 11 trách nhiệm, đơn cử như:

- Hoạt động điện lực theo đúng nội dung quy định trong giấy phép.

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép trong trường hợp thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở, loại hình hoạt động, đơn vị quản lý vận hành, phạm vi hoạt động, thời hạn của giấy phép.

- Duy trì các điều kiện hoạt động điện lực đã đăng ký và được cấp phép trong suốt thời gian hoạt động.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

- Không cho thuê, cho mượn, tự sửa chữa nội dung giấy phép hoạt động điện lực.

- Trước ngày vận hành thương mại các đơn vị phát điện có trách nhiệm hoàn thành:

- + Ký kết Hợp đồng mua bán điện theo quy định;
- + Hệ thống SCADA phục vụ vận hành hệ thống điện theo quy định;
- + Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng viễn thông phục vụ vận hành thị trường điện (đối với các nhà máy tham gia thị trường điện);
- + Các nội dung quy định khác về quản lý, vận hành nhà máy điện tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan...

Xem chi tiết các nội dung khác tại Thông tư 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 theo đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Thong-tu-36-2018-TT-BCT-quy-dinh-ve-trinh-tu-thu-tuc-cap-thu-hoi-giay-phep-hoat-dong-dien-luc-397244.aspx>

Hiệu lực thi hành: 06/12/2018 và thay thế Thông tư số 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực

Mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài

Ngày 17/10/2018, Bộ kế hoạch và đầu tư đã ban hành Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT hướng dẫn và ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài. Theo đó, ban hành theo Thông tư này 18 biểu mẫu như sau:

1. Mẫu số 1: Bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;
2. Mẫu số 2: Đề xuất dự án đầu tư ra nước ngoài;
3. Mẫu số 3: Bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;
4. Mẫu số 4: Giải trình về điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;
5. Mẫu số 5: Văn bản cam kết tự thu xếp ngoại tệ;
6. Mẫu số 6: Văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ của tổ chức tín dụng được phép;
7. Mẫu số 7: Văn bản xác nhận việc nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước;
8. Mẫu số 8a: Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký

đầu tư ra nước ngoài (đăng ký lần đầu);

9. Mẫu số 8b: Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đăng ký điều chỉnh);

10. Mẫu số 9: Thông báo hoạt động đầu tư ở nước ngoài;

11. Mẫu số 10: Báo cáo định kỳ hàng quý tình hình thực hiện dự án tại nước ngoài;

12. Mẫu số 11: Báo cáo định kỳ hàng năm tình hình thực hiện dự án tại nước ngoài;

13. Mẫu số 12: Mẫu báo cáo tình hình hoạt động đầu tư ra nước ngoài hàng năm sau khi có quyết toán thuế tại nước ngoài;

13. Mẫu số 13: Mẫu văn bản đề nghị gia hạn việc chuyển lợi nhuận về nước;

15. Mẫu số 14: Mẫu chấp thuận việc gia hạn chuyển lợi nhuận về nước;

16. Mẫu số 15: Mẫu thông báo của nhà đầu tư gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư chuyển toàn bộ vốn đầu tư ở nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài;

17. Mẫu số 16: Mẫu văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

18. Mẫu số 17: Mẫu văn bản thông báo chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

Ngoài ra, Thông tư 03/2018 cũng hướng dẫn về người ký các văn bản trong hồ sơ thủ tục đầu tư ra nước ngoài như sau:

- Đối với nhà đầu tư là tổ chức, người ký các văn bản được quy định mẫu trong Thông tư này là người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

- Đối với nhà đầu tư là cá nhân, nhà đầu tư tự ký các văn bản được quy định mẫu trong Thông tư này.

Xem chi tiết các nội dung tại Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT ngày 17/10/2018 theo đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Thong-tu-03-2018-TT-BKHDT-ban-hanh-mau-van-ban-thuc-hien-thu-tuc-dau-tu-ra-nuoc-ngoai-397465.aspx>

Hiệu lực thi hành: Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT ngày 23/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài.

DANH MỤC

VĂN BẢN QUẢN LÝ NỘI BỘ CỦA TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
BAN HÀNH ĐẾN NGÀY 15/11/2018

STT	Số văn bản	Trích yếu	Ngày ban hành	Tình trạng hiệu lực
1	01/NQ-ĐHĐCĐ	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	26/06/2018	Còn hiệu lực
2	01/NQ-ĐHĐCĐ	Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	26/06/2018	Còn hiệu lực
3	23/QĐ-ĐLDK	Phân công công việc trong Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	05/07/2018	Còn hiệu lực
4	26/QĐ-ĐLDK	Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng và các Ban chức năng Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	05/07/2018	Còn hiệu lực
5	275/ĐLDK-BKS	Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm Soát Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	25/07/2018	Còn hiệu lực
6	117/QĐ-ĐLDK	Quy định chấm công của cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	27/07/2018	Còn hiệu lực
7	118/QĐ-ĐLDK	Quy định chấm điểm thực hiện Nội quy lao động của cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	27/07/2018	Còn hiệu lực
8	158/QĐ-ĐLDK	Quy chế ban hành văn bản quản lý nội bộ của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	02/08/2018	Còn hiệu lực
9	195/QĐ-ĐLDK	Ban hành chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát nội bộ Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	07/08/2018	Còn hiệu lực
10	256/QĐ-ĐLDK	Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/08/2018	Còn hiệu lực

11	261/QĐ-ĐLDK	Quy chế đánh giá hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của các đơn vị thành viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/8/2018	Còn hiệu lực
12	262/QĐ-ĐLDK	Nội quy sử dụng điện trong cơ quan văn phòng Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/08/2018	Còn hiệu lực
13	263/QĐ-ĐLDK	Nội quy phòng cháy, chữa cháy trong cơ quan văn phòng Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/08/2018	Còn hiệu lực
14	266/QĐ-ĐLDK	Quy chế trả lương cho cán bộ, công nhân viên Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/08/2018	Còn hiệu lực
15	272/QĐ-ĐLDK	Quy chế tổ chức và hoạt động Website của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	10/08/2018	Còn hiệu lực
16	275/QĐ-ĐLDK	Quy chế công tác văn thư của cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	13/08/2018	Còn hiệu lực
17	276/QĐ-ĐLDK	Quy chế công tác lưu trữ của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	13/08/2018	Còn hiệu lực
18	278/QĐ-ĐLDK	Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	14/8/2018	Còn hiệu lực
19	317/QĐ-ĐLDK	Chính sách an toàn thông tin mạng PV Power	17/08/2018	Còn hiệu lực
20	337/QĐ-ĐLDK	Quy trình thoái vốn của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	21/08/2018	Còn hiệu lực
21	338/QĐ-ĐLDK	Quy trình giám sát và đánh giá dự án đầu tư của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	21/08/2018	Còn hiệu lực
22	397/QĐ-ĐLDK	Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	10/09/2018	Còn hiệu lực

23	434/QĐ-ĐLĐK	Quy chế quản lý nợ của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	17/09/2018	Còn hiệu lực
24	402/QĐ-ĐLĐK	Chính sách An toàn - Sức khỏe - Môi trường của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP	11/09/2018	Còn hiệu lực
25	403/QĐ-ĐLĐK	Quy định hoạt động mạng lưới an toàn vệ sinh viên	11/09/2018	Còn hiệu lực
26	405/QĐ-ĐLĐK	Hệ thống quản lý An toàn sức khỏe Môi trường của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	12/09/2018	Còn hiệu lực
27	407/QĐ-ĐLĐK	Quy định quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường trong bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ nhà máy điện	12/9/2018	Còn hiệu lực
28	408/QĐ-ĐLĐK	Quy định cấp phát, sử dụng, bảo quản phương tiện bảo vệ cá nhân của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	12/09/2018	Còn hiệu lực
29	409/QĐ-ĐLĐK	Quy định công tác bảo vệ môi trường trong nhà máy điện	12/09/2018	Còn hiệu lực
30	410/QĐ-ĐLĐK	Quy định công tác kiểm tra, chế độ sinh hoạt và báo cáo của Hội đồng An toàn vệ sinh lao động các cấp Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	12/09/2018	Còn hiệu lực
31	411/QĐ-ĐLĐK	Quy định thực hiện Phiếu công tác, phiếu thao tác	12/09/2018	Còn hiệu lực
32	427/QĐ-ĐLĐK	Nội quy lao động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	14/9/2018	Còn hiệu lực
33	436/QĐ-ĐLĐK	Quy định chấm điểm thi đua công tác An toàn – Sức khỏe – Môi trường	17/09/2018	Còn hiệu lực
34	456/QĐ-ĐLĐK	Quy định kiểm tra sát hạch an toàn	20/09/2018	Còn hiệu lực
35	525/QĐ-ĐLĐK	Quy chế bảo lãnh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	01/10/2018	Còn hiệu lực
36	543/QĐ-ĐLĐK	Quy chế phối hợp công tác giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và ban chấp hành công đoàn Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	04/10/2018	Còn hiệu lực

37	550/QĐ-ĐLDK	Quy chế hội nghị người lao động công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/10/2018	Còn hiệu lực
38	551/QĐ-ĐLDK	Quy chế đối thoại tại nơi làm việc công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/10/2018	Còn hiệu lực
39	552/QĐ-ĐLDK	Quy chế dân chủ tại nơi làm việc công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/10/2018	Còn hiệu lực
40	572/QĐ-ĐLDK	Quy định quản lý, sử dụng phần mềm quản lý bảo trì, sửa chữa nhà máy điện	15/10/2018	Còn hiệu lực
41	573/QĐ-ĐLDK	Quy định quản lý mã vật tư, công cụ	15/10/2018	Còn hiệu lực
42	574/QĐ-ĐLDK	Quy định đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trên môi trường máy tính, mạng máy tính của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	15/10/2018	Còn hiệu lực
43	575/QĐ-ĐLDK	Quy định quản lý hệ thống công nghệ thông tin	15/10/2018	Còn hiệu lực
44	591/QĐ-ĐLDK	Quy định về báo cáo vận hành các nhà máy điện	19/10/2018	Còn hiệu lực
45	607/QĐ-ĐLDK	Quy định về xây dựng và quản lý định mức kinh tế kỹ thuật các nhà máy điện của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	01/11/2018	Còn hiệu lực
46	628/QĐ-ĐLDK	Quy trình luân chuyển và lưu trữ tài liệu kế toán của cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/11/2018	Còn hiệu lực
47	629/QĐ-ĐLDK	Hệ thống thang lương bảng lương cơ bản và phụ cấp lương cơ bản của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/11/2018	Còn hiệu lực
48	630/QĐ-ĐLDK	Quy chế đánh giá xếp loại tập thể và cán bộ, công nhân viên thuộc cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/11/2018	Còn hiệu lực
49	634/QĐ-ĐLDK	Quy chế xếp lương, nâng lương và điều chỉnh lương chức danh đối với CBCNV cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/11/2018	Còn hiệu lực

50	648/QĐ-ĐLDK	Quy trình phối hợp thanh toán chi phí bảo trì, sửa chữa các nhà máy điện của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	15/11/2018	Còn hiệu lực
----	-------------	---	------------	--------------